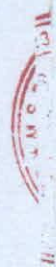


**CÔNG TY CỔ PHẦN  
VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 39



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Dufago (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

### **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Nhóm công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Huỳnh Phước Huyền Vy	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 10/04/2020)
Ông Đặng Tiến Đức	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 09/05/2020)
Ông Lê Trường Kỳ	Thành viên
Ông Đinh Ngọc Đạm	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Nhóm công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lê Anh Long	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Minh Phượng	Thành viên
Ông Chu Văn Tuấn	Thành viên
Ông Phạm Quang Trung	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Nhóm công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Tiến Đức	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Triều	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thảo	Phó Tổng Giám đốc

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

**CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc,



**Huỳnh Phước Huyền Vy**  
**Chủ tịch Hội đồng quản trị**  
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 08 năm 2020



RSM Vietnam

Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3  
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T +8428 3827 5026  
F +8428 3827 5027

[www.rsm.global/vietnam](http://www.rsm.global/vietnam)

Số: 21.123HN/BCSX-RSMHCM

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Dufago (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 24 tháng 08 năm 2020, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc*

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Nhóm công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

THE POWER OF BEING UNDERSTOOD  
AUDIT | TAX | CONSULTING

RSM Vietnam is a member of the RSM network and trades as RSM. RSM is the trading name used by the members of the RSM network. Each member of the RSM network is an independent accounting and consulting firm which practices in its own right. The RSM network is not itself a separate legal entity in any jurisdiction.



**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)****Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Dufago và các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/03/ 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

**KÝ TÓNG GIÁM ĐỐC****Đặng Thị Hồng Loan****Phó Tổng Giám đốc**Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0425-2018-026-1**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 08 năm 2020

Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>184.966.878.892</b>	<b>201.488.023.008</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4.1</b>	<b>26.020.395.389</b>	<b>12.473.856.032</b>
1. Tiền	111		22.020.395.389	11.473.856.032
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	1.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.306.960.000</b>	<b>5.130.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4.2	20.530.730	20.530.730
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(13.570.730)	(15.400.730)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	1.300.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>129.913.006.387</b>	<b>161.331.654.254</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	108.471.483.117	140.091.897.926
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	18.316.196.939	18.714.061.612
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	700.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	6.607.068.236	5.316.004.272
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(3.481.741.905)	(3.490.309.556)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.7</b>	<b>24.085.023.061</b>	<b>23.408.544.859</b>
1. Hàng tồn kho	141		24.085.023.061	23.408.544.859
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.641.494.055</b>	<b>4.268.837.863</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	3.492.571.502	3.533.961.905
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	692.388.263
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	148.922.553	42.487.695
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>80.764.975.099</b>	<b>88.771.964.160</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>72.842.964.439</b>	<b>78.748.694.444</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	72.842.964.439	78.748.694.444
Nguyên giá	222		218.209.062.882	217.570.290.038
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(145.366.098.443)	(138.821.595.594)
<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.947.270.762</b>	<b>3.615.305.187</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	1.947.270.762	3.615.305.187
<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>160.000.000</b>	<b>160.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.2	60.000.000	60.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	4.2	100.000.000	100.000.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.814.739.898</b>	<b>6.247.964.529</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	5.814.739.898	6.247.964.529
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>265.731.853.991</b>	<b>290.259.987.168</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01a - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>130.857.438.511</b>	<b>144.336.555.359</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>114.724.827.411</b>	<b>121.725.784.259</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.11	66.870.922.055	55.862.420.233
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.12	2.116.934.400	3.191.547.350
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	1.766.370.841	1.130.091.021
4. Phải trả người lao động	314		1.461.311.491	3.265.591.805
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		202.719.232	272.965.559
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		185.061.573	157.007.079
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.14	41.370.260.000	57.382.687.900
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		751.247.819	463.473.312
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>16.132.611.100</b>	<b>22.610.771.100</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.14	16.132.611.100	22.610.771.100
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>134.874.415.480</b>	<b>145.923.431.809</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.15	<b>134.874.415.480</b>	<b>145.923.431.809</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		89.099.810.000	89.099.810.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		89.099.810.000	89.099.810.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.416.000	49.416.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		228.800.000	228.800.000
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.752.997.505	7.752.997.505
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		33.547.041.207	44.361.971.866
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		32.926.357.268	23.315.025.212
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		620.683.939	21.046.946.654
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.196.350.768	4.430.436.438
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>265.731.853.991</b>	<b>290.259.987.168</b>



Phê duyệt

Huỳnh Phước Huyền Vy  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 08 năm 2020

Người lập

Phạm Văn Phước  
Kế toán trưởng kiêm người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 02a - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	138.324.866.814	168.876.010.788
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		207.273	168.410.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		138.324.659.541	168.707.600.788
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	126.978.234.839	152.733.763.285
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.346.424.702	15.973.837.503
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		69.029.280	28.926.621
7. Chi phí tài chính	22	5.3	2.658.138.690	3.146.863.997
Trong đó, chi phí lãi vay	23		2.659.968.690	3.141.563.997
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	6.841.901.967	7.105.988.710
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.915.413.325	5.749.911.417
10. Thu nhập khác	31		190.290	54.549.454
11. Chi phí khác	32	5.5	1.219.193.186	341.145.352
12. Lợi nhuận khác	40		(1.219.002.896)	(286.595.898)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		696.410.429	5.463.315.519
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	48.812.160	1.207.837.432
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		647.598.269	4.255.478.087
16. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		620.683.939	4.247.930.825
17. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		26.914.330	7.547.262
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.15.4	61	420
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.15.5	61	420



Phê duyệt

Người lập

Huỳnh Phước Huyền Vy  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 08 năm 2020

Phạm Văn Phước  
Kế toán trưởng kiêm người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		696.410.429	5.463.315.519
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.6	8.099.103.170	8.227.319.581
Các khoản dự phòng	03		(10.397.651)	(151.219.685)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		1.078.746.182	(83.472.075)
Chi phí lãi vay	06	5.3	2.659.968.690	3.141.563.997
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		<b>12.523.830.820</b>	<b>16.597.507.337</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		21.279.864.037	8.710.049.341
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(676.478.202)	520.070.644
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		19.210.704.586	(305.505.200)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		474.615.034	(1.083.810.953)
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.457.249.458)	(2.881.006.900)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(666.694.050)	(1.871.386.988)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.237.859.091)	(2.215.849.089)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		<b>47.450.733.676</b>	<b>17.470.068.192</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.781.837.733)	(8.088.018.769)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.113.636.364	54.545.454
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.300.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		700.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		25.575.950	54.069.595
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		<b>(2.242.625.419)</b>	<b>(7.979.403.720)</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 03a - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	66.764.840.420	114.978.980.380
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(89.255.428.320)	(116.643.950.570)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(9.170.981.000)	(9.170.981.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(31.661.568.900)</b>	<b>(10.835.951.190)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>		<b>13.546.539.357</b>	<b>(1.345.286.718)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		12.473.856.032	17.087.331.541
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b> (70 = 50 + 60 + 61)	<b>70</b>	4.1	<b>26.020.395.389</b>	<b>15.742.044.823</b>



Phê duyệt

**Huỳnh Phước Huyền Vy**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 08 năm 2020

Người lập

**Phạm Văn Phước**  
Kế toán trưởng kiêm người lập



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 09a - DN/HN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Dufago (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Cổ phần Pacific Dinco được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 321032000105 ngày 05 tháng 01 năm 2010 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Đà Nẵng cấp. Ngày 23 tháng 04 năm 2020, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Dufago theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0401333013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Ngày 14 tháng 05 năm 2015, Công ty chính thức được cấp phép đăng ký giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 27/2015/GCNCNCP-VSD ngày 14 tháng 05 năm 2015 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Ngày 02 tháng 07 năm 2015, Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội theo quyết định số 407/QĐ-SGDHN ngày 02 tháng 07 năm 2015 của Tổng Giám đốc sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 89.099.810.000 VND, được chi tiết như sau:

Cổ đông	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Dinco	19.367.560.000	21,74	19.367.560.000	21,74
Các đối tượng khác	69.732.250.000	78,26	69.732.250.000	78,26
<b>Cộng</b>	<b>89.099.810.000</b>	<b>100</b>	<b>89.099.810.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Công ty có đầu tư vào 2 công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 218 (31/12/2019 là: 233).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất bê tông thương phẩm.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất bê tông thương phẩm và cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng ô tô;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán máy móc, thiết bị xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Thi công cảnh quan sân vườn;
- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa. Chi tiết: trồng và chăm sóc cây cảnh;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình cầu, đường;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp;



## CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Bán buôn hóa chất, phụ gia xử lý chống thấm.

#### 1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

#### 1.5. Các công ty con trực tiếp được hợp nhất

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết của công ty mẹ	Tỷ lệ lợi ích của công ty mẹ
1.	Công ty Cổ phần Bê tông Dinco Chu Lai	KCN và Hậu cần cảng Tam Hiệp, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.	98,04%	98,04%
2.	Công ty Cổ phần Khoáng sản Sơn Phước	H42/3 K97 Nguyễn Lương Bằng, Phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.	76,27%	76,27%

## 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### 2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### 2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

### 2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng kỳ tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Nhóm công ty thực sự nắm quyền kiểm soát các công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Nhóm công ty chỉ là tạm thời khi các công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

#### ***Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát***

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của các công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại các công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của các công ty con.

#### ***Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại các công ty con***

Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Nhóm công ty trong các công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Nhóm công ty được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Nhóm công ty và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong các công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ngay khi mất quyền kiểm soát các công ty con, lãi lỗ của Nhóm công ty được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn với giá trị tài sản thuần chuyển nhượng tại thời điểm mất quyền kiểm soát cộng với giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

#### ***Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ***

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

#### ***Phương pháp xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ***

Tại thời điểm nắm quyền kiểm soát các công ty con, lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ được xác định là khoản chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của những tài sản thuần có thể xác định của các công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ. Lợi thế thương mại được trình bày thành một khoản mục riêng biệt trên báo cáo tài chính hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí trong báo cáo tài chính hợp nhất trong thời hạn là 10 năm. Lãi từ giao dịch mua rẻ được ghi nhận là thu nhập khác khi phát sinh.

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

#### **3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho giao đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

**3.3. Đầu tư tài chính**

***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác***

***Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác***

***Đối với các khoản đầu tư chứng khoán***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và là chứng khoán mua bán tự do trên thị trường khi giá chứng khoán thực tế trên thị trường thấp hơn giá trị của khoản đầu tư chứng khoán đang hạch toán trên sổ kế toán, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư chứng khoán được trích lập để phản ánh khoản lỗ do tổn thất với mức tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản đầu tư không cao hơn giá trên thị trường.

***Đối với các khoản đầu tư khác***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

**3.4. Nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.5. Hàng tồn kho**

***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và thuế trước bạ (nếu có).

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh và chi phí lắp đặt, chạy thử trừ đi giá trị sản phẩm thu hồi trong quá trình chạy thử, sản xuất thử.

#### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 10 năm
▪ Máy móc thiết bị	06 – 10 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	05 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05 năm
▪ Tài sản cố định khác	03 năm

#### **3.7. Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **3.8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước,.... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
- Chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ phương tiện vận tải, bảo hiểm thân xe, bảo hiểm tài sản,...) được phân bổ theo thời hạn hợp đồng;
- Chi phí sửa chữa lớn được phân bổ không quá 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.9. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ của các công ty trong Nhóm công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.11. Doanh thu và thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.12. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.13. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn.

**3.14. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác.

**3.15. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20 %.

Đối với dự án Tổ hợp nhà máy Gạch Bê tông khí chưng áp, sản xuất cấu kiện Bê tông đúc sẵn và Bê tông thương phẩm: Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo, do đó Nhóm công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2012 đến năm 2015 và giảm 50% từ năm 2016 đến năm 2024.

Những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trên đây được quy định trong Thông tư số 130/2008/TT-BTC về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế TNDN số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế TNDN.

Đối với dự án Nhà máy sản xuất gạch nhẹ chưng áp không nung ACC và bê tông thương phẩm: Áp dụng mức thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu có doanh thu, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo, do đó Công ty được miễn thuế TNDN từ năm 2019 đến năm 2022 và giảm 50% từ năm 2023 đến năm 2031.

Những ưu đãi về thuế TNDN trên đây được quy định theo nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 16/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành luật thuế TNDN và nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- Dịch vụ bán bê tông thương phẩm, đá, bơm bê tông và vận chuyển: 10%;
- Các dịch vụ khác: áp dụng theo thuế suất hiện hành.



# CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

### 3.16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### 3.17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

### 3.18. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 3.19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	4.853.558.448	1.731.840.072
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.166.836.941	9.742.015.960
Các khoản tương đương tiền	4.000.000.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>26.020.395.389</b>	<b>12.473.856.032</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh ngắn hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND			Tại ngày 01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	20.530.730	6.960.000	(13.570.730)	20.530.730	5.130.000	(15.400.730)

Nhóm công ty đã xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu đang nắm giữ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ

Ngắn hạn:

Tiền gửi có kỳ hạn	1.300.000.000	1.300.000.000	-	-
--------------------	---------------	---------------	---	---

	Tại ngày 30/06/2020 VND			Tại ngày 01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng

Dài hạn:

Trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	100.000.000	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000	-
--	-------------	-------------	---	-------------	-------------	---

Đầu tư trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu số CTG1929T2/01\_3489. Số lượng trái phiếu: 10; mệnh giá trái phiếu: 10.000.000 VND; kỳ hạn trái phiếu: 10 năm. Lãi suất: theo quy định các Điều khoản và Điều kiện của trái phiếu 2029, lãi suất tham chiếu + 1,2%/năm. Ngày phát hành là ngày 27 tháng 09 năm 2019, ngày đáo hạn là ngày 27 tháng 09 năm 2029.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác dài hạn được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Công ty Cổ phần Bê tông Dinco Hà Tĩnh	60.000.000	[*]	-	60.000.000	[*]	-

[\*] Tại ngày báo cáo, Nhóm công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem trang tiếp theo)



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	44.065.320.663	68.343.911.726
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty TNHH Xây dựng Tuấn Lê	6.822.128.750	3.088.827.000
Công ty Cổ phần D&D Engineering Contruction	6.522.265.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Coteccons	4.408.364.252	4.869.725.694
Công ty TNHH Công trình Kiến trúc Thử Năm - Tập đoàn công trình Kiến Trúc Quảng Tây (Đà Nẵng)	4.217.102.500	4.217.102.500
Công ty Cổ phần Xây dựng Số 1	2.214.272.500	12.995.120.000
Các khách hàng khác	40.222.029.452	46.577.211.006
<b>Cộng</b>	<b>108.471.483.117</b>	<b>140.091.897.926</b>

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trả trước cho người bán là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	4.000.000.000	4.000.000.000
Trả trước cho người bán:		
Ercal Findik Otomotiv Sanayi Ve Tic. A . S .	6.991.018.000	6.991.018.000
Putzmeister South East Asia CT Pte Ltd	6.812.969.800	6.812.969.800
Các nhà cung cấp khác	512.209.139	910.073.812
<b>Cộng</b>	<b>18.316.196.939</b>	<b>18.714.061.612</b>

**4.5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	2.130.351.067	-	1.841.504.768	-
Bảo hiểm xã hội	8.678.713	-	8.762.202	-
Ký cược, ký quỹ	4.244.765.807	-	3.234.878.162	-
Lãi dự thu	36.098.200	-	920.548	-
Phải thu khác	187.174.449	-	229.938.592	-
<b>Cộng</b>	<b>6.607.068.236</b>	<b>-</b>	<b>5.316.004.272</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.6. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán	4.474.334.270	992.592.365	4.482.721.031	992.411.475
<b>Cộng</b>	<b>4.474.334.270</b>	<b>992.592.365</b>	<b>4.482.721.031</b>	<b>992.411.475</b>

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi các khoản công nợ phải thu là thấp vì các khoản công nợ này đã phát sinh từ các năm trước nhưng không thu hồi được.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu, cho vay quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND			Tại ngày 01/01/2020 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty CP Đầu tư xây dựng TVTK Constrexim	439.274.772	-	Trên 3 năm	439.274.772	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH MTV Xây dựng 470	364.935.000	109.480.500	Trên 1 năm	364.935.000	109.480.050	Từ 6 tháng đến 1 năm
Công ty APIC Sài Gòn	267.415.000	-	Trên 3 năm	267.415.000	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hưng Thịnh Tài	651.750.000	325.875.000	Từ 2 - 3 năm	651.750.000	325.875.000	Từ 1 - 2 năm
Công ty TNHH Khánh Anh	130.700.000	65.350.000	Trên 3 năm	130.700.000	65.350.000	Từ 2 - 3 năm
Công ty CP Kiến trúc quan cảnh Mạnh Cường An	358.566.898	-	Trên 3 năm	358.566.898	-	Trên 3 năm
Công ty Cổ phần Thép Dana UC	707.041.000	353.520.500	Từ 2 - 3 năm	707.041.000	353.520.500	Từ 1 - 2 năm
Xí nghiệp cầu 18 - Cienco 1	241.140.000	-	Trên 3 năm	241.140.000	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	1.313.511.600	138.366.365	-	1.321.898.361	138.185.475	-
<b>Cộng</b>	<b>4.474.334.270</b>	<b>992.592.365</b>		<b>4.482.721.031</b>	<b>992.411.475</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.080.991.581	-	8.667.375.680	-
Công cụ, dụng cụ	817.474.258	-	494.775.042	-
Thành phẩm	14.186.557.222	-	14.246.394.137	-
<b>Cộng</b>	<b>24.085.023.061</b>	<b>-</b>	<b>23.408.544.859</b>	<b>-</b>

**4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trạm trộn Tĩnh Phong	1.652.370.899	1.507.857.253
Văn phòng trạm Hòa Cầm	-	450.415.227
Mua sắm TSCĐ	294.899.863	1.657.032.707
<b>Cộng</b>	<b>1.947.270.762</b>	<b>3.615.305.187</b>

(Xem tiếp trang sau)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

## 4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2020	12.206.551.864	59.986.483.751	144.425.705.175	847.435.685	104.113.563	217.570.290.038
Mua trong kỳ	108.454.545	2.215.433.774	-	72.172.727	-	2.396.061.046
Đầu tư XDCB hoàn thành	108.942.655	1.944.868.457	-	-	-	2.053.811.112
Thanh lý, nhượng bán	-	(800.844.769)	(3.010.254.545)	-	-	(3.811.099.314)
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>12.423.949.064</b>	<b>63.345.941.213</b>	<b>141.415.450.630</b>	<b>919.608.412</b>	<b>104.113.563</b>	<b>218.209.062.882</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2020	8.253.017.356	44.075.654.547	85.856.770.511	624.491.716	11.661.464	138.821.595.594
Khấu hao trong kỳ	516.987.690	1.994.176.863	5.517.916.285	52.670.074	17.352.258	8.099.103.170
Thanh lý, nhượng bán	-	(558.653.810)	(995.946.511)	-	-	(1.554.600.321)
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>8.770.005.046</b>	<b>45.511.177.600</b>	<b>90.378.740.285</b>	<b>677.161.790</b>	<b>29.013.722</b>	<b>145.366.098.443</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2020	3.953.534.508	15.910.829.204	58.568.934.664	222.943.969	92.452.099	78.748.694.444
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>3.653.944.018</b>	<b>17.834.763.613</b>	<b>51.036.710.345</b>	<b>242.446.622</b>	<b>75.099.841</b>	<b>72.842.964.439</b>

Giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 của TSCĐ hữu hình là 59.495.448.584 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay - Xem thêm mục 4.14.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 83.714.075.510 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.10. Chi phí trả trước**

	<b>Tại ngày 30/06/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020 VND</b>
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.785.084.764	2.634.657.084
Chi phí bảo hiểm máy móc thiết bị	509.044.938	579.714.671
Phí sử dụng đường bộ	258.822.857	200.062.778
Chi phí thuê đất	245.968.665	40.537.633
Chi phí khác	693.650.278	78.989.739
<b>Cộng</b>	<b>3.492.571.502</b>	<b>3.533.961.905</b>
	<b>Tại ngày 30/06/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020 VND</b>
Dài hạn:		
Chi phí sửa chữa	54.545.690	135.247.086
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	487.529.417	759.894.578
Chi phí thuê đất [*]	5.272.664.791	5.352.822.865
<b>Cộng</b>	<b>5.814.739.898</b>	<b>6.247.964.529</b>

[\*] Chi phí thuê đất tại Khu công nghiệp và Hậu cần Tam Hiệp, xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam theo hợp đồng số 02/2012/HĐ-TL, thời gian thuê 50 năm và tại Khu công nghiệp Tịnh Phong theo Hợp đồng số 03/2019/HĐ-TLĐ ngày 25 tháng 04 năm 2019, thời gian thuê đất 28 năm, từ ngày 25 tháng 04 năm 2019 đến ngày 25 tháng 04 năm 2047.

(Xem tiếp trang sau)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.11. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	3.044.455.003	3.044.455.003	2.388.646.845	2.388.646.845
Phải trả cho người bán:				
Công ty HH Xi măng LUKS Việt Nam	29.902.660.075	29.902.660.075	19.931.535.579	19.931.535.579
Công ty TNHH Vận tải và XD Trâm Anh Tuấn	4.729.365.714	4.729.365.714	6.861.455.100	6.861.455.100
Công ty TNHH MTV An Trung Phúc	4.407.441.000	4.407.441.000	5.892.245.000	5.892.245.000
Xí nghiệp Kinh doanh Kim Khí số 7 - Công ty Cổ phần Kim Khí Miền Trung	3.375.167.961	3.375.167.961	-	-
Công ty TNHH MTV vật liệu xây dựng An Tín Phát	2.672.255.400	2.672.255.400	2.816.020.000	2.816.020.000
Công Ty CP Đầu Tư & Thương Mại Đại Hoàng	4.978.136.800	4.978.136.800	381.168.600	381.168.600
Các đối tượng khác	13.761.440.102	13.761.440.102	17.591.349.109	17.591.349.109
<b>Cộng</b>	<b>66.870.922.055</b>	<b>66.870.922.055</b>	<b>55.862.420.233</b>	<b>55.862.420.233</b>

**4.12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Xí nghiệp cầu 17 - CIENCO1 - CN Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1 – CTCP	1.199.235.000	751.215.000
Tổng Công ty xây dựng công trình giao thông 1 – Công ty Cổ phần	216.215.000	2.000.000.000
Các đối tượng khác	701.484.400	440.332.350
<b>Cộng</b>	<b>2.116.934.400</b>	<b>3.191.547.350</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.717.024.865	3.147.070.278	1.872.716.646	-	442.671.233
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	36.702.840	48.812.160	666.694.050	12.109.320	666.694.050
Thuế thu nhập cá nhân	148.922.553	12.643.136	435.480.173	562.106.953	30.378.375	20.725.738
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>148.922.553</b>	<b>1.766.370.841</b>	<b>3.642.362.611</b>	<b>3.112.517.649</b>	<b>42.487.695</b>	<b>1.130.091.021</b>

(Xem trang tiếp theo)



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.14. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Trong kỳ VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn:</b>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN – CN ĐN	-	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN ĐN	14.385.140.000	14.385.140.000	40.674.940.420	52.153.330.420	25.863.530.000	25.863.530.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN ĐN	16.775.120.000	16.775.120.000	28.037.560.000	32.461.597.900	21.199.157.900	21.199.157.900
Ông Từ Chính	10.210.000.000	10.210.000.000	4.390.000.000	500.000.000	6.320.000.000	6.320.000.000
<b>Cộng</b>	<b>41.370.260.000</b>	<b>41.370.260.000</b>	<b>73.102.500.420</b>	<b>89.114.928.320</b>	<b>57.382.687.900</b>	<b>57.382.687.900</b>
<b>Dài hạn:</b>						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN ĐN	5.417.878.500	5.417.878.500	-	4.240.600.000	9.658.478.500	9.658.478.500
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN ĐN	10.714.732.600	10.714.732.600	-	2.237.560.000	12.952.292.600	12.952.292.600
<b>Cộng</b>	<b>16.132.611.100</b>	<b>16.132.611.100</b>	<b>-</b>	<b>6.478.160.000</b>	<b>22.610.771.100</b>	<b>22.610.771.100</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>57.502.871.100</b>	<b>5.417.878.500</b>	<b>73.102.500.420</b>	<b>95.593.088.320</b>	<b>79.993.459.000</b>	<b>79.993.459.000</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

- Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam theo Hợp đồng vay số 01/2019-HĐCVHM/NHCT480-PACIFIC DINCO có thời hạn 5 tháng, lãi suất từ 6,8% đến 7,2%/năm với mục đích bổ sung vốn lưu động và được thế chấp, đảm bảo bởi tài sản cố định hữu hình của Nhóm công ty – Xem thêm mục 4.9.
- Các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam theo Hợp đồng vay số 72/2019/VCB-KHDN có thời hạn 4 tháng, lãi suất là 6,5%/năm với mục đích bổ sung vốn lưu động và được thế chấp, đảm bảo bằng Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Bê tông Dinco Chu Lai và tài sản cố định hữu hình của Nhóm công ty – Xem thêm mục 4.9.
- Vay thời hạn một năm từ ông Từ Chính theo Hợp đồng vay số 01/2020/HDMT, với số tiền là 4.390.000.000 VND và lãi suất cố định là 0%, mục đích vay phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Vay dài hạn là các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam có thời hạn từ 3 đến 5 năm, lãi suất từ 9,3% đến 11,0%/năm, với mục đích mua xe và được thế chấp, đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Nhóm công ty – Xem thêm mục 4.9.

*(Xem tiếp trang sau)*



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.15. Vốn chủ sở hữu**

**4.15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	
Tại ngày 01/01/2019	89.099.810.000	49.416.000	228.800.000	7.752.997.505	34.399.871.200	4.627.036.069	136.157.930.774
Lãi trong 6 tháng đầu năm trước	-	-	-	-	4.247.930.825	7.547.262	4.255.478.087
Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(2.174.864.988)	-	(2.174.864.988)
Chia cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(8.909.981.000)	(261.000.000)	(9.170.981.000)
Tại ngày 30/06/2019	89.099.810.000	49.416.000	228.800.000	7.752.997.505	27.562.956.037	4.373.583.331	129.067.562.873
Lãi trong 6 tháng cuối năm trước	-	-	-	-	16.799.015.829	56.853.107	16.855.868.936
Tại ngày 01/01/2020	89.099.810.000	49.416.000	228.800.000	7.752.997.505	44.361.971.866	4.430.436.438	145.923.431.809
Lãi trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	620.683.939	26.914.330	647.598.269
Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	-	-	-	-	(2.525.633.598)	-	(2.525.633.598)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	-	(8.909.981.000)	(261.000.000)	(9.170.981.000)
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>89.099.810.000</b>	<b>49.416.000</b>	<b>228.800.000</b>	<b>7.752.997.505</b>	<b>33.547.041.207</b>	<b>4.196.350.768</b>	<b>134.874.415.480</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.15.2. Chi tiết vốn góp của cổ đông**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Dinco	19.367.560.000	19.367.560.000
Vốn góp của các cổ đông khác	69.732.250.000	69.732.250.000
<b>Cộng</b>	<b>89.099.810.000</b>	<b>89.099.810.000</b>

**4.15.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	8.909.981	8.909.981
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	8.909.981	8.909.981
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	8.909.981	8.909.981
Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

**4.15.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ	620.683.939	4.247.930.825
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	74.482.073	509.751.699
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	546.201.866	3.738.179.126
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	8.909.981	8.909.981
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>61</b>	<b>420</b>

**4.15.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi sau thuế của cổ đông công ty mẹ	620.683.939	4.247.930.825
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi	74.482.073	509.751.699
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	546.201.866	3.738.179.126
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	8.909.981	8.909.981
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>61</b>	<b>420</b>

**4.15.6. Cổ tức**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Cổ tức đã trả cho cổ đông của công ty mẹ	(8.909.981.000)	(8.909.981.000)



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Công ty CP Constrexim-Meco	61.028.000	61.028.000
Công ty TNHH Mỹ thuật UD TVTK & XD Chiêm Việt	65.480.000	65.480.000
Công ty CP Xây dựng Lighthouse	238.645.500	238.645.500
Chi nhánh Công ty CP Sông Hồng 36.8	58.800.000	58.800.000
Các đối tượng khác	122.743.350	122.743.350
<b>Cộng</b>	<b>546.696.850</b>	<b>546.696.850</b>

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	121.508.382.158	166.677.345.765
Doanh thu bán hàng hóa	15.669.584.331	1.459.716.366
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.146.900.325	738.948.657
<b>Cộng</b>	<b>138.324.866.814</b>	<b>168.876.010.788</b>
Trong đó doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	40.132.584.174	25.938.578.114

**5.2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	110.214.585.438	150.746.762.586
Giá vốn của hàng hóa đã bán	15.666.444.408	1.447.589.095
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.097.204.993	539.411.604
<b>Cộng</b>	<b>126.978.234.839</b>	<b>152.733.763.285</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.3. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	2.659.968.690	3.141.563.997
Trích lập / (Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(1.830.000)	5.300.000
<b>Cộng</b>	<b>2.658.138.690</b>	<b>3.146.863.997</b>

**5.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.263.832.466	3.290.939.591
Chi phí đồ dùng văn phòng	934.933.621	949.644.494
Chi phí khấu hao TSCĐ	649.457.988	637.333.159
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(92.924.961)	(316.613.685)
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	84.357.310	160.094.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.373.053.151	1.666.501.592
Chi phí bằng tiền khác	629.192.392	718.089.559
<b>Cộng</b>	<b>6.841.901.967</b>	<b>7.105.988.710</b>

**5.5. Chi phí khác**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lỗ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.142.862.629	-
Các khoản bị phạt	3.000.000	125.415.606
Các khoản khác	73.330.557	215.729.746
<b>Cộng</b>	<b>1.219.193.186</b>	<b>341.145.352</b>

**5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	92.309.128.782	120.825.041.248
Chi phí nhân công	14.498.598.654	15.236.703.552
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.099.103.170	8.227.319.581
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.359.643.804	7.306.476.200
Chi phí khác bằng tiền	1.754.371.946	6.110.180.988
<b>Cộng</b>	<b>123.020.846.356</b>	<b>157.705.721.569</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	696.410.429	5.463.315.519
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	469.962.853	845.428.350
- Chi phí không được trừ	276.227.103	527.744.350
- Thủ lao HĐQT, BKS không tham gia điều hành	192.000.000	192.000.000
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi thiếu hồ sơ	-	125.684.000
- Phạt hành chính, phạt thuế	1.735.750	-
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(253.685.095)
- Hoàn nhập dự phòng	-	(253.685.095)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	1.166.373.282	6.055.058.774
- Thu nhập tính thuế từ hoạt động không được ưu đãi	(2.824.025.197)	6.033.896.625
- Thu nhập tính thuế từ hoạt động được ưu đãi	3.990.398.479	21.162.149
Thuế suất thuế TNDN của hoạt động không được ưu đãi	20%	20%
Thuế suất thuế TNDN của hoạt động được ưu đãi	10%	10%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động không được ưu đãi	48.812.160	1.206.779.325
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động được ưu đãi	92.231.248	2.116.215
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm của hoạt động kinh doanh được ưu đãi	(92.231.248)	(1.058.107)
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ</b>	<b>48.812.160</b>	<b>1.207.837.432</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	66.764.840.420	114.978.980.380

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(89.255.428.320)	(116.643.950.570)

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Nhóm công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Bán bê tông thương phẩm;
- Kinh doanh thương mại;
- Cung cấp dịch vụ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020:

	<u>Bê tông thương phẩm</u>		<u>Kinh doanh thương mại</u>		<u>Cung cấp dịch vụ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
<b>Doanh thu</b>								
Từ khách hàng bên ngoài	121.500.573.067	166.677.345.765	15.669.584.331	1.459.716.366	1.154.709.416	738.948.657	138.324.866.814	168.876.010.788
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>								
Giảm trừ doanh thu	207.273	168.410.000					207.273	168.410.000
Giá vốn	110.214.585.438	184.880.337.436	15.666.444.408	1.447.589.095	1.097.204.993	539.411.604	126.978.234.839	152.733.763.285
Kết quả của bộ phận	10.066.777.460	22.864.777.737	3.139.923	12.127.271	57.504.423	199.537.053	10.127.421.806	15.687.241.605
Chi phí không phân bổ							6.841.901.967	7.105.988.710
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính							3.285.519.839	8.581.252.895
Thu nhập tài chính							69.029.280	28.926.621
Chi phí tài chính							2.658.138.690	3.146.863.997
Lợi nhuận trước thuế							696.410.429	5.463.315.519
Thuế thu nhập doanh nghiệp							48.812.160	1.207.837.432
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>647.598.269</b>	<b>4.255.478.087</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**Các thông tin khác**

	<u>Bê tông thương phẩm</u>		<u>Kinh doanh thương mại</u>		<u>Cung cấp dịch vụ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>
	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản của bộ phận	222.330.118.966	258.907.765.243	-	-	-	-	222.330.118.966	258.907.765.243
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	43.401.735.025	31.352.221.925
<b>Tổng tài sản</b>							<b>265.731.853.991</b>	<b>290.259.987.168</b>

	<u>Bê tông thương phẩm</u>		<u>Kinh doanh thương mại</u>		<u>Cung cấp dịch vụ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>	<u>Tại ngày</u>
	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>	<u>30/06/2020</u>	<u>01/01/2020</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nợ phải trả của bộ phận	126.490.727.555	139.047.426.583	-	-	-	-	126.490.727.555	139.047.426.583
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	4.366.710.956	5.289.128.776
<b>Tổng nợ phải trả</b>							<b>130.857.438.511</b>	<b>144.336.555.359</b>

	<u>Bê tông thương phẩm</u>		<u>Kinh doanh thương mại</u>		<u>Cung cấp dịch vụ</u>		<u>Tổng cộng</u>	
	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí mua sắm tài sản	2.396.061.046	7.571.293.972	-	-	-	-	2.396.061.046	7.571.293.972
Chi phí khấu hao	8.099.103.170	8.227.319.581	-	-	-	-	8.099.103.170	8.227.319.581



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG DUFAGO VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 233 Đường Điện Biên Phủ, Phường Hòa Khê, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan**

1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Dinco
2. Công ty Cổ phần Xây dựng FI DI
3. Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đà Nẵng
4. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

**Mối quan hệ**

Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể  
 Công ty con của Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể  
 Công ty có cùng Chủ tịch HĐQT  
 Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng:</b>		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Dinco	37.106.847.169	59.081.355.226
Công ty Cổ phần Xây dựng FI DI	6.958.473.494	9.262.556.500
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.3</b>	<b><u>44.065.320.663</u></b>	<b><u>68.343.911.726</u></b>
	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<b>Trả trước cho người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.4:</b>		
Công ty Cổ phần Xây dựng FI DI	4.000.000.000	4.000.000.000
	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn:</b>		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Dinco	(3.041.366.203)	(2.388.646.845)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	(3.088.800)	-
<b>Cộng – Xem thêm mục 4.11</b>	<b><u>(3.044.455.003)</u></b>	<b><u>(2.388.646.845)</u></b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Trong kỳ, Nhóm công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ:		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Dinco	39.499.932.361	25.938.578.114
Công ty Cổ phần Xây dựng FI DI	632.651.813	-
<b>Cộng – Xem thêm mục 5.1</b>	<b><u>40.132.584.174</u></b>	<b><u>25.938.578.114</u></b>

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Mua hàng:		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Xây dựng Dinco	4.951.360.000	5.243.760.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	22.637.600	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.973.997.600</u></b>	<b><u>5.243.760.000</u></b>

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Nhóm công ty được chi tiết như sau:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Thù lao của Hội đồng quản trị	204.000.000	204.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	562.918.270	585.555.768

**9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT NHÓM CÔNG TY**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	84.000.000	84.000.000



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Vào tháng 07/2020, Covid-19 bùng phát trở lại tại Việt Nam nên ảnh hưởng đầy đủ của dịch bệnh vẫn chưa xác định được. Tuy nhiên, khả năng xảy ra mức độ ảnh hưởng tiêu cực của Covid-19 đến doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty trong kỳ kế toán tới là tùy thuộc vào thời gian diễn biến của dịch bệnh.



Phê duyệt

**Huỳnh Phước Huyền Vy**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị  
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 08 năm 2020

Người lập

**Phạm Văn Phước**  
Kế toán trưởng kiêm người lập